

UNIT 2:**LIFE IN THE COUNTRYSIDE****I/ NEW WORDS: LOOKING BACK**

1.huge /hju:dʒ/	(adj) : to lớn, đồ sộ
2.develop /dɪ'vel.əp/	(v): phát triển
3.development /dɪ'vel.əp.mənt/	(n): sự phát triển
4.destroy /dɪ'strɔɪ/	(v): phá huỷ, tàn phá
5.course /kɔ:s/	(n): khoá,lớp
6.landscape /'lænd.skeɪp/	(n):phong cảnh
7.dull /dʌl/	(adj): buồn tẻ
8.fluently /'flu:.ənt.li/	(adv): trôi chảy, lưu loát
9.climb/klaɪm/	(v): leo, trèo
10.exam /ɪg'zæm/	(n): cuộc thi
= examination /ɪg,zæm.ɪ'nei.ʃən/	
12.examiner /ɪg'zæm.ɪ.nər/	(n): giám khảo
13.candidate	(n): thí sinh
/'kæn.dɪ.dət/ /'kæn.dɪ.deɪt/	